

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2025/HS-PT

Ngày 20 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 229/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025; do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 322/2024/HS-ST ngày 31-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2).

- Bị cáo có kháng cáo: Phạm Văn L (tên gọi khác: T), sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07509001318X; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Lầu Thị H; có vợ tên Nguyễn Thị Thủy T2 và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 206/2025/LCĐKNCT ngày 30-7-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Võ Tấn N, bị hại và đương sự tham gia tố tụng, không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào lúc 10 giờ 50 phút ngày 23-4-2024, Võ Tấn N (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô tải biển số 60H-062.25 lưu thông trên đường N theo hướng xã L đi xã P. Khi đến vòng xoay Trung tâm huyện N, N không nhường đường cho xe mô tô bên trái đi trước, không giữ khoảng cách an toàn nên va chạm với 02 xe mô tô biển số 60E1-049.87 do Nguyễn Hồng H1 điều khiển và xe mô tô biển số 59S1-354.06 do Phạm Văn L điều khiển, đang lưu thông trên đường T theo hướng Quốc lộ E đi C. Lúc này, L (không có bằng lái xe theo quy định) điều khiển xe vào vòng xoay với tốc độ nhanh, không xử lý kịp tay lái và không đảm bảo khoảng cách an toàn nên đã đụng vào đuôi xe của H1 rồi đẩy cả 2 xe tông tới bánh trước của xe tải do N điều khiển gây tai nạn làm anh H1 tử vong, L bị thương nặng.

2. Giám định:

2.1. Tại Kết luận giám định số: 2737/KL-KTHS ngày 17-5-2024 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Xe mô tô biển số 59S1-354.06, xe mô tô biển số 69E1-049.87 và xe ô tô biển số 60H-062.25 có va chạm với nhau.

- Dấu vết trượt xước, sạch bụi, mất sơn màu đỏ, bám chất màu đen, cong gãy vỡ các chi tiết phía trước bên phải xe mô tô BKS: 59S1-354.06 (đĩa phanh, má bên phải bánh xe, cung trước chắn bùn, mặt nạ, cụm đèn chiếu sáng) có chiều từ trước về sau, dấu vết bánh xe có chiều từ mặt lăn vào tâm bánh phù hợp với dấu vết trượt xước, sạch bụi, bám chất màu đỏ, cong, rách, gãy vỡ các chi tiết phía sau bên trái xe mô tô biển số 69E1-049.87 (má bên trái bánh xe, biển số, chắn bùn bánh sau, cụm đèn tín hiệu) có chiều từ sau về trước, dấu vết bánh xe có chiều từ mặt lăn vào tâm bánh.

- Dấu vết trượt xước, in hằn, mất sơn màu đỏ, gãy vỡ các chi tiết phía trước bên phải xe mô tô biển số 59S1-354.06 (cao su bọc tay cầm lái, tay

phanh, ốp đầu xe) có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt xước, sạch bụi, bám chất màu đỏ các chi tiết bên trái xe ô tô biển số 60H-062.25 (mặt ngoài cung sau chắn bùn bánh trước, đầu thanh cản hông) có chiều từ trước về sau, va chạm sau khi xe mô tô biển số 59S1-354.06 va chạm với xe mô tô biển số 69E1-049.87 và bị hất lên.

- Dấu vết trượt xước, sạch bụi, in đường kẻ sọc dạng vân lốp, cong, gãy vỡ các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 69E1-049.87 (chắn bùn bánh trước, mặt nạ, cụm đèn chiếu sáng, ốp đầu xe, đồng hồ, cổ lái, yếm chắn gió, đỡ chân trước, yên, ốp hông, tay nâng sau yên) có chiều từ trái sang phải phù hợp với dấu vết trượt xước, sạch bụi các chi tiết bên trái xe ô tô biển số 60H-062.25 (má ngoài bánh trước, má ngoài bánh ngoài trục thứ 2) có chiều từ mặt lặn vào tâm, ngược chiều quay tiến bánh xe, va chạm khi xe mô tô đã ngã phải trên mặt đường.

- Khi xảy ra tai nạn, xe mô tô biển số 59S1-354.06 với xe mô tô biển số 69E1-049.87 va chạm với nhau trước và sau đó hai xe mô tô tiếp tục va chạm với xe ô tô biển số 60H-062.25, không đủ cơ sở xác định xe mô tô nào va chạm trước với xe ô tô.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 59S1-354.06 và xe mô tô biển số 69E1-049.87 chiếu xuống mặt đường nằm trước đầu vết cày số 5, hướng từ vòng xoay trung tâm huyện N đi xã P.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 69E1-049.87 và xe ô tô biển số 60H-062.25 chiếu xuống mặt đường nằm trước đầu vết cày số 4, hướng từ đường N đi vòng xoay trung tâm huyện N.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 59S1-354.06 và xe ô tô biển số 60H-062.25 chiếu xuống mặt đường thuộc vòng xoay trung tâm huyện N, không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm cụ thể.

- Khi xảy ra tai nạn xe mô tô biển số 59S1-354.06 và xe mô tô biển số 69E1-049.87 lưu thông trên đường T, hướng từ vòng xoay trung tâm huyện N đi xã P; xe ô tô biển số 60H-062.25 lưu thông trên đường N, hướng từ xã L đi vòng xoay trung tâm huyện N.

- Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 59S1-354.06, xe mô tô biển số 69E1-049.87 và xe ô tô biển số 60H-062.25 với phương tiện khác.

2.2. Tiến hành thu thập dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô BKS: 60H-062.25 tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ, xác định: Vào khoảng thời gian từ 11 giờ 00 phút 45 giây ngày 23-4-2024 thì xe ô tô tải bắt đầu vào vị trí đường N thuộc ấp X, xã P, huyện N có tốc độ tại thời điểm này là 55km/h và bắt đầu giảm tốc độ. Đến 11 giờ 01 phút 45 giây, vị trí của xe ô tô tải nằm trên tỉnh lộ 25B (đường T) thuộc xã P, huyện N và có tốc độ tại thời điểm này là 20km/h và trở về 0km/h tại thời điểm 11 giờ 01 phút 49 giây.

2.3. Tại Kết luận giám định số: 842/KL-KTHS ngày 03-5-2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ, xác định nguyên nhân tử vong của nạn nhân Nguyễn Hồng H1: Đa chấn thương; chấn thương ngực -bụng kín, dập phổi, vỡ lách, dập rách mạc treo ruột/gãy khung xương chậu.

2.4. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1102/KLTTCT-TTPYĐN ngày 23-10-2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của Phạm Văn L là 80% (tám mươi phần trăm).

3. Vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô biển số 60H-062.25, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện N đã giao trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 xe mô tô biển số 60E1-049.87 và 01 xe mô tô biển số 59S1-354.06, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện N tiếp tục tạm giữ kiểm tra xác minh xử lý sau.

4. Dân sự:

Tại cấp sơ thẩm, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 322/2024/HS-ST ngày 21-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), đã quyết định như sau: Tuyên bố bị cáo Võ Tấn N và Phạm Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 1 Điều 260 (đối với bị cáo N), điểm a khoản 2 Điều 260 (đối với bị cáo Phạm Văn L) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Võ Tấn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; bị cáo Phạm Văn L 03 (ba) năm tù. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

6. Kháng cáo:

Bị cáo Phạm Văn L kháng cáo đề nghị giảm nhẹ và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

7. Quan điểm của đại diện Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào đặc biệt mới; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn L thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Phạm Văn L đã vi phạm khoản 9 Điều 8 “...không có giấy phép lái xe theo quy định...” và khoản 1 Điều 12 “... phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình...” của Luật Giao thông đường bộ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự. Áp dụng cho bị cáo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.3. Về hình phạt:

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, tại Kết luận giám định số: 1102/KLTTCT-TTPYĐN ngày 23-10-2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, thể hiện sau tai nạn, bị cáo bị cắt đứt đến 1/3 trên đùi trái có hội chứng chi ma, mồm cắt 1/2 đứt 1 ngón IV bàn tay phải,... tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của Phạm Văn L là 80% (tám mươi phần trăm); vấn đề này, chưa được cấp sơ thẩm ghi nhận và xem xét giảm nhẹ; do đó, chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần và quyết định dưới khung hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 322/2024/HS-ST ngày 31-12-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2).

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 02 (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Phạm Văn L vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại (địa chỉ theo hồ sơ);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 2;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC01);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an xã Nhơn Trạch;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽¹⁷⁾.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Nguyễn Văn Thành